



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 05/TCO- CBTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2025
HCM city, January 17th, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN
CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức / *Organization name*: **CÔNG TY CỔ PHẦN TCO HOLDINGS**

- Mã chứng khoán/ *Security Symbol*: TCO
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại/ *Telephone*: 076 806 4686
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông/ Mr. Bùi Lê Quốc Bảo

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

2. Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure (*)*:

Báo cáo tài chính quý 4/2024 hợp nhất của công ty cổ phần TCO Holdings và giải trình đính kèm / *Consolidated financial report for the Q4/2024 of TCO Holdings Joint Stock Company and attached explanation.*

3. Công ty đã đăng tải các tài liệu này trên website tại địa chỉ: <https://tcoholdings.vn/vn/quan-he-nha-dau-tu.html>. *We have also posted these documents on our website at: https://tcoholdings.vn/vn/quan-he-nha-dau-tu.html.*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We declare that all information provided in this paper is true and accurate; we shall be legally responsible for any misrepresentation.*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE



Bùi Lê Quốc Bảo
TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG VĂN

(v/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính Quý 4 Năm 2024)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; và
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 4 năm 2024 và so với cùng kỳ năm 2023 của Công ty Cổ phần TCO Holdings và các công ty con (“Nhóm Công ty”).

Công ty Cổ phần TCO Holdings (“Công ty”) xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN như sau:

Đơn vị tính: đồng

Lợi nhuận sau thuế	Quý 4 Năm 2024	Quý 4 Năm 2023	Biến động	
			Giá trị	%
Báo cáo tài chính riêng	21.110.602.355	5.524.792.426	15.585.809.929	282,1%
Báo cáo tài chính hợp nhất	4,334,089,745	4,754,834,784	(420.745.039)	-8,8%

1. Giải trình biến động lợi nhuận trên Báo cáo tài chính riêng:

Kết quả kinh doanh quý 4 năm 2024, Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng là 21,1 tỷ; tăng 15,6 tỷ so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận này chủ yếu đến từ hoạt động mua bán gạo. Từ năm 2025, Công ty định hướng sẽ xuất khẩu gạo trực tiếp sau khi hoàn tất các thủ tục để xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo.

Ngoài ra, trong Quý 4 năm 2024, công ty còn nhận được cổ tức từ các công ty con. Trong khi cùng kỳ năm ngoái, lợi nhuận Công ty chủ yếu đến từ lãi các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

2. Giải trình biến động lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Kết quả kinh doanh quý 4 năm 2024, Nhóm Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 4,3 tỷ; giảm 420 triệu so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận hợp nhất giảm thấp hơn so với lợi nhuận công ty mẹ chủ yếu do phân bổ lợi thế thương mại khi mua Nam An.

Trân trọng.



BÙI LÊ QUỐC BẢO

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn quý IV và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	5 - 6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 44

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

CÔNG TY

Công ty Cổ phần TCO Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH & ĐT") Thành phố Hải Phòng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 09/2012/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 27 tháng 2 năm 2012.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là tư vấn quản lý, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy, bán buôn gạo và cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 9 năm 2024
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 9 năm 2024
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Thành viên	
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên độc lập	

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HĐQT

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Anh Dũng	Chủ tịch	
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 9 năm 2024
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 9 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Lê Quốc Bảo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Lê Quốc Bảo - Tổng Giám đốc.

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TCO Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải) ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho giai đoạn quý IV và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn quý 4 và năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn quý IV và năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 1 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Trình bày lại – Thuyết minh số 36)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.073.348.375.231	864.898.262.537
110	I. Tiền	5	29.110.332.812	3.732.860.044
111	1. Tiền		29.110.332.812	3.732.860.044
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		61.988.390.833	54.920.581.824
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	61.988.390.833	54.920.581.824
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		894.110.961.962	736.932.654.707
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	7	670.242.977.282	44.777.224.718
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	223.359.643.052	693.129.704.205
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	508.341.628	305.861.341
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	-	(1.280.135.557)
140	IV. Hàng tồn kho	10	71.876.914.467	57.089.215.875
141	1. Hàng tồn kho		71.876.914.467	57.363.654.238
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(274.438.363)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.261.775.157	12.222.950.087
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.341.627.799	453.241.300
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	14.920.147.358	11.769.708.787
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		877.221.594.819	318.180.872.786
210	I. Khoản phải thu dài hạn		559.342.260	534.342.260
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	559.342.260	534.342.260
220	II. Tài sản cố định		172.576.320.131	159.373.068.351
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	144.156.793.985	123.064.462.732
222	Nguyên giá		186.861.497.399	150.860.038.357
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(42.704.703.414)	(27.795.575.625)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	28.419.526.146	36.308.605.619
228	Nguyên giá		29.520.084.277	37.313.505.327
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.100.558.131)	(1.004.899.708)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	531.602.291.827	-
231	Nguyên giá		534.423.700.622	-
232	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.821.408.795)	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		7.334.256.597	9.964.352.164
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	7.334.256.597	9.964.352.164
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	1.000.000.000	1.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		164.149.384.004	147.309.110.011
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.636.186.717	1.916.085.706
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		6.862.400.000	-
269	3. Lợi thế thương mại	16	155.650.797.287	145.393.024.305
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.950.569.970.050	1.183.079.135.323

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Trình bày lại – Thuyết minh số 36)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.614.025.186.370	864.500.036.992
310	I. Nợ ngắn hạn		1.024.666.492.506	824.514.607.660
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	361.989.289.008	8.665.984.345
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	305.369.419.585	379.895.649.633
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	19.325.089.632	9.071.817.410
314	4. Phải trả người lao động		498.798.505	283.922.213
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	3.789.088.347	4.328.384.485
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		115.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	18.568.660.812	4.328.702.957
320	8. Vay ngắn hạn	22	313.531.536.000	416.460.536.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	1.479.610.617	1.479.610.617
330	II. Nợ dài hạn		589.358.693.864	39.985.429.332
338	1. Vay dài hạn	22	575.810.260.000	26.363.096.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		13.548.433.864	13.622.333.332
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		336.544.783.680	318.579.098.331
410	I. Vốn chủ sở hữu		336.544.783.680	318.579.098.331
411	1. Vốn cổ phần	24.1	313.206.220.000	187.110.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		313.206.220.000	187.110.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	-	29.926.933.100
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	24.1	-	2.781.094.734
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	22.950.949.673	95.755.017.616
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.366.825.450	86.717.830.752
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		20.584.124.223	9.037.186.864
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24.5	387.614.007	3.006.052.881
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.950.569.970.050	1.483.079.135.323

Nguyễn Việt Ánh
Người lập

Nguyễn Thế An
Kế toán trưởng

Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 16 tháng 1 năm 2025

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán quý IV và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
			Quý 4/2024	Quý 4/2023	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại – Thuyết minh số 36)
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	25.1	1.819.202.838.723	406.367.983	4.526.932.171.156	29.483.885.048
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	26	1.781.592.611.449	335.853.600	4.427.639.626.352	23.357.775.209
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		37.610.227.274	70.514.383	99.292.544.804	6.126.109.839
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	412.680.548	8.925.757.393	17.742.165.248	13.129.637.510
22	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	27	15.719.747.185 15.719.747.185	156.580.585	47.449.212.434 47.449.212.434	159.109.927
25	6. Chi phí bán hàng	28	141.764.733	-	4.203.321.885	-
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	11.057.804.869	3.487.664.275	31.681.879.359	10.542.072.261
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.103.591.035	5.352.026.916	33.700.296.374	8.554.565.161
31	9. Thu nhập khác	30	-	546.772.732	27.210.271	2.644.433.179
32	10. Chi phí khác		4.014.740	-	351.426.087	300.000.048
40	11. Lợi nhuận khác		(4.014.740)	546.772.732	(324.215.816)	2.344.433.131
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.099.576.295	5.898.799.648	33.376.080.558	10.898.998.292
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	5.417.923.125	1.141.829.160	12.842.152.980	1.860.388.502
52	14. (Lợi ích) chi phí thuế TNDN hoãn lại	32.3	1.347.563.425	2.135.704	(73.899.468)	-

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán quý IV và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
			Quý 4/2024	Quý 4/2023	Năm 2024	Năm 2023 (Trình bày lại – Thuyết minh số 36)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.334.089.745	4.754.834.784	20.607.827.046	9.038.609.790
61	16. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		4.332.915.883	4.754.842.649	20.584.124.223	9.037.186.864
62	17. Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25.5	1.173.862	(7.865)	23.702.823	1.422.926
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	25.4	219	254	1.084	483
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	25.4	219	254	1.084	483

VND

Nguyễn Việt Anh
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 1 năm 2025

Nguyễn Thế An
Kế toán trưởng



Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 36)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		33.376.080.558	10.898.998.292
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”) (bao gồm phần bổ lợi thế thương mại)		33.035.914.833	98.088.330
03	Các khoản dự phòng		(1.554.573.920)	1.280.135.557
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.622.264.098)	(15.310.592.595)
06	Chi phí lãi vay		47.449.212.434	-
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		101.684.369.807	(3.033.370.416)
09	Tăng các khoản phải thu		(151.628.445.555)	(44.865.293.591)
10	(Tăng) giảm giảm hàng tồn kho		(14.513.260.229)	70.160.229
11	Tăng các khoản phải trả		272.614.424.791	3.993.165.715
12	Tăng chi phí trả trước		(434.052.422)	(71.376.974)
14	Tiền lãi vay đã trả		(46.823.246.560)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(3.249.581.186)	(1.345.882.907)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(1.680.927.695)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		157.650.208.646	(46.933.525.639)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(35.932.743.407)	(839.616.727)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		8.668.000.000	115.760.000.000
23	Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(201.967.809.009)	(118.300.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		200.000.000.000	299.500.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(314.161.988.965)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	48.790.646.567
27	Tiền thu lãi tiền gửi, hợp tác kinh doanh		10.369.269.047	25.242.740.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(18.863.283.369)	55.991.780.875

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu góp vốn từ cổ đông		-	150.000.000
32	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH		(560.583.063.813)	-
33	Tiền thu từ đi vay		1.551.018.500.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.104.500.336.000)	-
36	Cổ tức đã trả	24.2	(81.132.400)	(7.458.420.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(114.146.032.213)	(7.308.420.400)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		24.640.893.064	1.749.834.836
60	Tiền đầu kỳ		3.732.860.044	1.983.025.208
70	Tiền cuối kỳ	5	28.373.753.108	3.732.860.044


Nguyễn Việt Anh
Người lập


Nguyễn Thế An
Kế toán trưởng


Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 1 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần TCO Holdings (trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải) ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH & ĐT") Thành phố Hải Phòng cấp ngày 14 tháng 3 năm 2008, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 09/2012/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 27 tháng 2 năm 2012.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là tư vấn quản lý, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy, bán buôn gạo và cho thuê văn phòng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 88 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 74 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có ba (3) công ty con trực tiếp và ba (3) công ty con gián tiếp như sau:

Công ty	Trụ sở	Hoạt động	Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
			% Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	% Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần TCO Logistics	Thành phố Hồ Chí Minh ("TP. HCM")	Dịch vụ logistic và vận tải	99,96	99,96	99,96	99,96
Công ty Cổ phần TCO Agri	TP. HCM	Buôn bán gạo	99,95	99,95	99,95	99,95
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	TP. HCM	Kinh doanh bất động sản	99,99	99,99	99,95	99,95
Công ty TNHH Một thành viên TCO Logistics (tên cũ: Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải An Gia)	TP. HCM	Dịch vụ logistic và vận tải	99,96	100,00	89,96	90,00
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An	Tỉnh An Giang	Buôn bán gạo	99,96	100,00	99,62	99,67
Công ty TNHH Đầu tư Enterprise	TP. HCM	Kinh doanh bất động sản	99,99	100,00	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con cho quý IV và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các quyền sử dụng đất

Các quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của các quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	20 - 45 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	11 - 20 năm
Máy móc thiết bị	2 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 5 năm
Khác	5 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	50 năm
Nhà cửa	50 năm
Tài sản khác	3 năm

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng; và
- ▶ Chi phí nâng cấp tài sản đi thuê.

3.11 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí đất, chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là không quá mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của HĐQT và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ phát triển thị trường

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng và phát triển thị trường kinh doanh của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

4.1 Hoàn tất việc kế toán ban đầu cho giao dịch hợp nhất kinh doanh đối với Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải An Gia ("An Gia")

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã mua 90% vốn cổ phần của An Gia và đã áp dụng kế toán ban đầu cho giao dịch hợp nhất kinh doanh đối với An Gia trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Trong năm 2024, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc kế toán ban đầu cho giao dịch hợp nhất kinh doanh đối với An Gia với những thay đổi so với giá trị hợp lý được xác định tạm thời trước đây, được điều chỉnh hồi tố như sau:

VND

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý sau điều chỉnh
Tài sản	51.795.317.206	2.579.382.260	54.374.699.466
Tiền	149.912.766	-	149.912.766
Các khoản phải thu	8.843.487.995	-	8.843.487.995
Hàng tồn kho	226.489.344	-	226.489.344
Tài sản cố định hữu hình	29.971.327.025	2.579.382.260	32.550.709.285
Các tài sản ngắn hạn khác	2.581.812.143	-	2.581.812.143
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9.179.942.164	-	9.179.942.164
Tài sản dài hạn khác	842.345.769	-	842.345.769
Nợ phải trả	31.256.079.817	515.876.452	31.771.956.269
Vay	21.251.632.000	-	21.251.632.000
Phải trả người bán	4.827.525.086	-	4.827.525.086
Người mua trả tiền trước	4.703.269.470	-	4.703.269.470
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	515.876.452	515.876.452
Phải trả khác	473.653.261	-	473.653.261
Tổng tài sản thuần	20.539.237.389	2.063.505.808	22.602.743.197
Cổ đông không kiểm soát	(2.061.842.396)	(207.146.141)	(2.268.988.537)
Lãi do giao dịch mua rẻ	(477.394.993)	(1.856.359.667)	(2.333.754.660)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ (tiếp theo)

4.2 Hoàn tất việc kế toán ban đầu cho giao dịch hợp nhất kinh doanh đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An ("Nam An")

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã mua 99,67% vốn cổ phần của Nam An và đã áp dụng kế toán ban đầu cho giao dịch hợp nhất kinh doanh đối với Nam An trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Trong năm 2024, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc kế toán ban đầu cho giao dịch hợp nhất kinh doanh đối với Nam An với những thay đổi so với giá trị hợp lý được xác định tạm thời trước đây, được điều chỉnh hồi tố như sau:

	Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua	Điều chỉnh giá trị hợp lý	VND Giá trị hợp lý sau điều chỉnh
Tài sản	913.023.561.028	65.532.284.398	978.555.845.426
Tiền	2.688.098.269	-	2.688.098.269
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	54.920.581.824	-	54.920.581.824
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	39.647.640.000	-	39.647.640.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	686.351.088.250	-	686.351.088.250
Phải thu ngắn hạn khác	34.147.945	-	34.147.945
Hàng tồn kho	56.862.726.531	-	56.862.726.531
Chi phí trả trước ngắn hạn	108.215.120	-	108.215.120
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9.279.239.686	-	9.279.239.686
Tài sản cố định hữu hình	42.961.510.570	47.552.242.877	90.513.753.447
Tài sản cố định vô hình	18.328.564.098	17.980.041.521	36.308.605.619
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	784.410.000	-	784.410.000
Chi phí trả trước dài hạn	57.338.735	-	57.338.735
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Nợ phải trả	811.255.340.642	13.106.456.880	824.361.797.522
Phải trả người bán ngắn hạn	2.983.210.700	-	2.983.210.700
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	375.192.380.163	-	375.192.380.163
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.806.213.482	-	7.806.213.482
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.690.961.897	-	3.690.961.897
Phải trả ngắn hạn khác	10.574.400	-	10.574.400
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	13.106.456.880	13.106.456.880
Vay	421.572.000.000	-	421.572.000.000
Tổng tài sản thuần	101.768.220.386	52.425.827.518	154.194.047.904
Cổ đông không kiểm soát	(387.468.225)	(199.603.984)	(587.072.209)
Lợi thế thương mại (Thuyết minh số 16)	197.619.247.839	(52.226.223.534)	145.393.024.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ (tiếp theo)

4.3 Góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần TCO Real Estate

Trong tháng 07 năm 2024, Công ty Cổ phần TCO Holdings có góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Real Estate ("TCO Real Estate") với giá trị là 260.000.000.000 đồng để thực hiện tăng vốn điều lệ Công ty con này.

4.4 Mua phần vốn góp Công ty TNHH Đầu tư Enterprise ("Enterprise")

Tháng 8 năm 2024, Nhóm Công ty đã hoàn tất mua 100% vốn của Enterprise, một công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0318412291, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 16 tháng 4 năm 2024. Lĩnh vực kinh doanh chính của Enterprise là Kinh doanh Bất động sản. Nhóm Công ty mua Enterprise với mục đích sở hữu tòa nhà văn phòng Enterprise Tower.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Enterprise tại ngày mua được trình bày dưới đây.

	VND Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua
Tài sản	561.345.202.839
Tiền	416.936.187
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	5.100.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	14.057.241.141
Trả trước cho người bán ngắn hạn	23.638.560
Chi phí trả trước ngắn hạn	174.435.088
Tài sản cố định hữu hình	78.666.667
Bất động sản đầu tư	533.895.305.492
Chi phí trả trước dài hạn	736.579.704
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.862.400.000
Nợ phải trả	26.145.813.478
Phải trả người bán ngắn hạn	10.468.445.683
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	875.190.642
Phải trả người lao động	42.539.245
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	9.708.232.480
Phải trả ngắn hạn khác	5.051.405.428
Tổng tài sản thuần	535.199.389.361
Cổ đông không kiểm soát	(74.598.488)
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 16)	25.875.209.127
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	561.000.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	416.936.187
Tiền chi để mua công ty con	561.000.000.000
Tổng tiền thuần thu về cho nghiệp vụ mua	560.583.063.813

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ (tiếp theo)

4.5 Mua thêm sở hữu vào Nam An

Vào ngày 9 tháng 9 năm 2024, Nhóm Công ty đã mua thêm 0.333% sở hữu vào Nam An, tăng phần sở hữu thành 99,96% vào ngày này. Giá mua thêm được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông thiểu số. Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Nam An (không bao gồm lợi thế thương mại từ nghiệp vụ mua lần đầu) tại ngày mua là 148.971.310.465 đồng Việt Nam, và giá trị ghi sổ của phần sở hữu tăng mua thêm là 496.566.069 đồng Việt Nam. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của phần sở hữu tăng mua thêm được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

4.6 Mua thêm sở hữu vào An Gia

Vào ngày 10 tháng 9 năm 2024, Nhóm Công ty đã mua thêm 10% sở hữu vào An Gia, tăng phần sở hữu thành 99,96% vào ngày này. Giá mua thêm được thanh toán bằng tiền cho các cổ đông thiểu số. Giá trị ghi sổ của tài sản thuần của Nam An (không bao gồm lợi thế thương mại từ nghiệp vụ mua lần đầu) tại ngày mua là 22.003.242.158 đồng Việt Nam, và giá trị ghi sổ của phần sở hữu tăng mua thêm là 2.200.324.216 đồng Việt Nam. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của phần sở hữu tăng mua thêm được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

5. TIỀN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	112.366.263	520.226.580
Tiền gửi ngân hàng	28.997.966.549	3.212.633.464
TỔNG CỘNG	<u>29.110.332.812</u>	<u>3.732.860.044</u>

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	61.988.390.833	54.920.581.824
Dài hạn		
Trái phiếu (ii)	1.000.000.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>62.988.390.833</u>	<u>55.920.581.824</u>

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn dưới mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất từ 2,9% - 4,0%/năm. Trong đó, Nhóm Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền là 56.888.390.833 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 22.1).

(ii) Đây là 10.000 trái phiếu không chuyển đổi và kèm chứng quyền mã số CTG2232T2/01 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam. Trái phiếu này được hoàn trả sau mười (10) năm kể từ ngày phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Nông sản Đồng Tháp	157.498.166.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Hòa Hiệp	143.205.500.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Quang Khải	122.917.000.000	2.535.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Hội	103.857.000.000	3.331.200.000
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Lương Thực Phúc Khang	86.040.500.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Thiên nhiên King Green	-	16.074.940.000
Các khách hàng khác	<u>56.724.811.282</u>	<u>22.836.084.718</u>
TỔNG CỘNG	670.242.977.282	44.777.224.718
Dự phòng phải thu khó đòi	-	<u>(1.280.135.557)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>670.242.977.282</u>	<u>43.497.089.161</u>

Tình hình (tăng) giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu kỳ	(1.280.135.557)	-
Trích lập trong năm	-	-
Hoàn nhập trong kỳ	<u>1.280.135.557</u>	<u>1.280.135.557</u>
Số cuối kỳ	-	<u>1.280.135.557</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Hồng Phát	61.188.250.000	110.687.650.000
Công ty Cổ phần SG Gravity	17.007.300.000	87.625.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Đầu tư Vạn Thiên Phát	13.203.000.000	101.728.674.250
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu An Huy	57.295.705.250	97.416.315.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Hòa Hiệp	39.663.240.000	-
Công ty TNHH Nông Sản Phúc Thịnh	31.242.261.200	-
Công ty TNHH Giải pháp IDS	-	140.000.000.000
Khác	<u>3.759.886.602</u>	<u>155.672.064.955</u>
TỔNG CỘNG	<u>223.359.643.052</u>	<u>693.129.704.205</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	508.341.628	305.861.341
Lãi cho vay, lãi trái phiếu	294.980.903	-
Tạm ứng nhân viên	61.241.906	206.541.915
Khác	152.118.819	99.319.426
Dài hạn	559.342.260	534.342.260
Ký quỹ	559.342.260	534.342.260
TỔNG CỘNG	1.067.683.888	840.203.601
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên khác</i>	1.067.187.088	834.823.662
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	496.800	5.379.939

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Hàng hóa	28.704.705.391	-
Hàng gửi đi bán	32.179.222.688	17.466.274.224
Thành phẩm	10.935.837.209	39.670.890.670
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	57.149.179	226.489.344
TỔNG CỘNG	71.876.914.467	57.363.654.238
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(274.438.363)
GIÁ TRỊ THUẦN	71.876.914.467	57.089.215.875

Tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu kỳ	(274.438.363)	-
Trích lập trong kỳ	-	274.438.363
Hoàn nhập trong kỳ	274.438.363	-
Số cuối kỳ	-	274.438.363

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Ngắn hạn	1.341.627.799	453.241.300
Công cụ, dụng cụ	250.204.883	185.016.601
Bảo hiểm	694.431.276	161.618.863
Khác	396.991.640	106.605.836
Dài hạn	1.636.186.717	1.916.085.706
Công cụ, dụng cụ	1.104.833.402	1.297.184.135
Chi phí cải tạo văn phòng	291.711.557	595.099.155
Khác	239.641.758	23.802.416
TỔNG CỘNG	<u>2.977.814.516</u>	<u>2.369.327.006</u>

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Trình bày lại – Thuyết minh số 36)	38.708.207.572	71.841.937.494	40.189.893.291	-	120.000.000	150.860.038.357
Tăng do hợp nhất kinh doanh				80.000.000		80.000.000
Mua mới	3.950.000.000	-	-	-	-	3.950.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	9.314.634.816	22.729.489.236	-	-	32.044.124.052
Thanh lý	(63.825.744)	(8.839.266)	-	-	-	(72.665.010)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	42.594.381.828	81.147.733.044	62.919.382.527	80.000.000	120.000.000	186.861.497.399
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Trình bày lại – Thuyết minh số 36)	(4.334.707.847)	(15.701.683.772)	(7.723.893.683)		(35.290.323)	(27.795.575.625)
Tăng do hợp nhất kinh doanh				(1.333.333)		1.999.999
Khấu hao trong kỳ	(2.322.985.373)	(7.991.568.791)	(4.620.776.519)	(6.666.665)	(29.622.852)	(14.971.620.200)
Thanh lý	63.825.744	-	-			63.825.744
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(7.125.923.848)	(23.161.196.191)	(12.344.670.202)	(7.999.998)	(64.913.175)	(42.704.703.414)
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Trình bày lại – Thuyết minh số 36)	34.373.499.725	56.140.253.722	32.465.999.608		84.709.677	123.064.462.732
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	35.468.457.980	57.986.536.853	50.574.712.325	72.000.002	55.086.825	144.156.793.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 (<i>Trình bày lại - Thuyết minh số 36</i>)	37.313.505.327
Mua mới	950.000.000
Thanh lý	<u>(8.743.421.050)</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>29.520.084.277</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(1.004.899.708)
Hao mòn trong năm	(197.389.511)
Thanh lý	<u>101.731.088</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>(1.100.558.131)</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 (<i>Trình bày lại - Thuyết minh số 36</i>)	<u>36.308.605.619</u>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>28.419.526.146</u>

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND		
	<i>Nhà cửa và quyền sử dụng đất</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	525.688.000.000	8.677.514.222	534.365.514.222
Mua mới	-	58.186.400	58.186.400
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>525.688.000.000</u>	<u>8.735.700.622</u>	<u>534.423.700.622</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	(229.166.667)	(241.042.063)	(470.208.730)
Tăng trong năm	(1.145.833.335)	(1.205.366.730)	(2.351.200.065)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>(1.375.000.002)</u>	<u>(1.446.408.793)</u>	<u>(2.821.408.795)</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	-	-
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	<u>524.312.999.998</u>	<u>7.289.291.829</u>	<u>531.602.291.827</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2024 và năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Sàn lan và thiết bị	-	9.179.942.164
Máy móc đang lắp đặt	<u>7.334.256.597</u>	<u>784.410.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.334.256.597</u>	<u>9.964.352.164</u>

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<i>Lợi thế thương mại từ hợp nhất Nam An</i>	<i>Lợi thế thương mại từ hợp nhất Enterprise</i>	VND <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023 <i>(Trình bày lại - Thuyết minh số 36)</i>	145.393.024.305	-	145.393.024.305
Tăng do hợp nhất kinh doanh	<u>-</u>	<u>25.875.209.127</u>	<u>25.875.209.127</u>
Ngày 30 tháng 9 năm 2024	<u>145.393.024.305</u>	<u>25.875.209.127</u>	<u>171.268.233.432</u>
Phân bổ lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	-	-
Phân bổ trong kỳ	<u>(14.539.302.431)</u>	<u>(1.078.133.714)</u>	<u>(15.617.436.145)</u>
Ngày 30 tháng 9 năm 2024	<u>(14.539.302.431)</u>	<u>(1.078.133.714)</u>	<u>(15.617.436.145)</u>
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2023 <i>(Trình bày lại - Thuyết minh số 36)</i>	145.393.024.305	-	145.393.024.305
Ngày 30 tháng 9 năm 2024	<u>130.853.721.874</u>	<u>24.797.075.413</u>	<u>155.650.797.287</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Vi	122.834.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khánh Hội	94.254.750.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sản xuất Khánh Tường	43.958.000.000	-
Công ty Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Nông sản Vấn Dững	40.738.065.700	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sản xuất Thương mại Dân Việt	20.909.400.000	-
Khác	39.295.073.308	8.665.984.345
TỔNG CỘNG	<u>361.989.289.008</u>	<u>8.665.984.345</u>

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thuận Minh	134.999.525.725	175.914.638.763
Công ty Cổ phần Quốc Tế Gia	109.436.923.860	199.216.058.747
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Vi	27.764.095.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Thiên nhiên King Green	19.867.675.000	4.472.952.123
Khác	34.307.507.940	292.000.000
TỔNG CỘNG	<u>305.369.419.585</u>	<u>379.895.649.633</u>

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

				VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.916.550.806	13.254.400.320	(3.249.581.186)	18.921.369.940
Thuế giá trị gia tăng	460.429	14.794.829.907	(14.462.540.534)	332.749.802
Thuế thu nhập cá nhân	25.188.396	590.776.265	(544.994.771)	70.969.890
Thuế khác	129.617.779	635.605.811	(638.178.233)	(127.045.357)
TỔNG CỘNG	<u>9.071.817.410</u>	<u>29.850.409.795</u>	<u>(19.754.489.225)</u>	<u>19.325.089.632</u>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	11.769.708.787	17.199.684.971	(14.049.246.400)	14.920.147.358

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí lãi vay	625.965.874	552.399.438
Trích trước chi phí thuế	3.047.045.357	3.220.000.000
Khác	116.077.116	555.985.047
TỔNG CỘNG	<u>3.789.088.347</u>	<u>4.328.384.485</u>

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cổ tức phải trả	563.393.500	644.525.900
Ký quỹ đã nhận	5.108.227.348	58.000.000
Lãi vay phải trả	8.626.347.637	-
Phải trả khác	4.270.692.327	3.626.177.057
TỔNG CỘNG	<u>18.568.660.812</u>	<u>4.328.702.957</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Phải trả các bên khác	14.306.966.485	840.040.630
- Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 33)	4.261.694.327	3.488.662.327

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại nợ dài hạn đến hạn trả	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	416.460.536.000	974.157.300.000	(1.079.979.300.000)	2.893.000.000	313.531.536.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	405.822.000.000	974.157.300.000	(1.079.979.300.000)	-	300.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22.2)	10.638.536.000	-	-	2.893.000.000	13.531.536.000
Dài hạn	26.363.096.000	575.861.200.000	(24.521.036.000)	(2.893.000.000)	575.810.260.000
Vay cá nhân (Thuyết minh số 22.3)	-	270.926.000.000	-	-	270.926.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.2)	26.363.096.000	305.935.200.000	(24.521.036.000)	(2.893.000.000)	304.884.260.000
TỔNG CỘNG	442.823.632.000	1.535.728.500.000	(1.044.333.202.000)	-	889.341.796.000

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		(% /năm)	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 2				
Khoản vay 1	300.000.000.000	Từ ngày 10 tháng 2 năm 2025 đến ngày 11 tháng 3 năm 2024	6,8	Tiền gửi có kỳ hạn trị giá 56.888.390.833 VND thuộc sở hữu của Nam An;
				Các quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu bởi cá nhân.

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai					
Khoản vay 1	4.894.996.000	Từ ngày 27 tháng 3 năm 2025 đến ngày 5 tháng 9 năm 2026	Mua phương tiện vận tải	9,5	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.
Khoản vay 2	1.111.500.000	Từ ngày 27 tháng 3 năm 2025 đến ngày 5 tháng 3 năm 2027	Mua phương tiện vận tải	9,5	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2					
Khoản vay 1	6.135.000.000	Từ ngày 27 tháng 1 năm 2025 đến ngày 29 tháng 6 năm 2029	Đầu tư đóng mới sà lan	9,9	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 – Thành phố Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	2.710.000.000	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2025 đến ngày 29 tháng 6 năm 2029	Đầu tư đóng mới sà lan	12,5	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.
Khoản vay 2	298.000.000.000	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2025 đến ngày 27 tháng 6 năm 2039	Mua phần vốn góp Enterprise	6,5	Tòa nhà Enterprise Tower
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Việt Nam Hiện Đại					
Khoản vay 1	5.564.300.000	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030	Đầu tư đóng mới sà lan	9,4	Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của An Gia.
TỔNG CỘNG	318.415.796.000				
Trong đó:					
Vay dài hạn	304.884.260.000				
Vay dài hạn đến hạn trả	13.531.536.000				

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.3 Vay dài hạn cá nhân

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ cá nhân được trình bày như sau:

Cá nhân	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Châu Văn Lương	90.000.000.000	Ngày 24 tháng 6 năm 2026	Mua phần vốn góp Enterprise	10,0%	Tín chấp
Trần Thanh Vũ	89.480.000.000	Ngày 25 tháng 6 năm 2026	Mua phần vốn góp Enterprise	10,0%	Tín chấp
Liêm Chánh Thái	83.000.000.000	Ngày 22 tháng 7 năm 2026	Mua phần vốn góp Enterprise	10,0%	Tín chấp
Liêm Chánh Thái	8.446.000.000	Ngày 17 tháng 6 năm 2026	Nhu cầu vốn lưu động	10,0%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	270.926.0000000				

23. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	Năm nay	Năm trước
Số đầu kỳ	1.479.610.617	941.374.075
Trích lập	-	1.331.498.542
Sử dụng quỹ	-	(793.262.000)
Số cuối kỳ	1.479.610.617	1.479.610.617

Công ty Cổ phần TCO Holdings

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**24.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	187.110.000.000	29.926.933.100	1.893.429.039	-	89.824.660.684	308.755.022.823
Lợi nhuận thuần trong năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 36)	-	-	-	-	9.037.186.864	9.037.186.864
Phân phối lợi nhuận Sử dụng quỹ	-	-	887.665.695	887.665.695 (887.665.695)	(3.106.829.932)	(1.331.498.542)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Trình bày lại - Thuyết minh số 36)	187.110.000.000	29.926.933.100	2.781.094.734	-	95.755.017.616	315.573.045.450
Năm nay						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Trình bày lại - Thuyết minh số 36)	187.110.000.000	29.926.933.100	2.781.094.734	-	95.755.017.616	315.573.045.450
Tăng vốn trong năm	126.096.220.000	-	-	-	-	126.096.220.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	20.584.124.223	20.584.124.223
Phân phối lợi nhuận	-	(29.926.933.100)	(2.781.094.734)	-	(93.388.192.156)	(126.096.220.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	313.206.220.000	-	-	-	22.950.949.673	336.157.169.673

VND

Công ty Cổ phần TCO Holdings

B09-DN/HN

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	187.110.000.000	187.110.000.000
Tăng trong năm	126.096.220.000	-
Số cuối năm	<u>313.206.220.000</u>	<u>187.110.000.000</u>
Cổ tức đã chia		
Cổ tức đã trả bằng tiền	81.132.400	7.458.420.400
Cổ tức bằng cổ phiếu	24.312.350.000	-

24.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Cổ phiếu đăng ký phát hành	31.320.622	18.711.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	31.320.622	18.711.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	31.320.622	18.711.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết và không hạn chế.

24.4 Lãi trên mỗi cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 36)
	Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	20.584.124.223
Trừ: Quý khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	<u>20.584.124.223</u>	<u>9.037.186.864</u>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	18.986.620	18.711.000
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ đã được điều chỉnh	18.986.620	18.986.620
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.084	483
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	1.084	483

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần TCO Holdings

B09-DN/HN

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.5 Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 36)
Số đầu kỳ	3.006.052.881	500.150.832
Tăng do hợp nhất kinh doanh	74.598.488	2.856.060.746
Tăng do cổ đông không kiểm soát góp vốn	-	150.000.000
Giảm do mua thêm sở hữu công ty con	(2.696.890.285)	-
Giảm do thanh lý công ty con	-	(501.581.623)
Cổ tức phải trả	(19.849.900)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	23.702.823	1.422.926
Số cuối kỳ	<u>387.614.007</u>	<u>3.006.052.881</u>

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh gạo và phụ phẩm	4.379.273.206.055	-
Doanh thu vận tải	131.453.674.965	1.440.202.200
Doanh thu dịch vụ bãi	14.885.500	23.520.355.150
Doanh thu cước vận tải biển	-	4.406.567.698
Doanh thu cho thuê văn phòng	16.190.404.636	116.760.000
DOANH THU THUẦN	<u>4.526.932.171.156</u>	<u>29.483.885.048</u>

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	10.595.954.060	13.122.740.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.146.211.188	6.897.510
TỔNG CỘNG	<u>17.742.165.248</u>	<u>13.129.637.510</u>

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh gạo và phụ phẩm	4.296.235.573.226	-
Giá vốn dịch vụ vận tải	127.412.764.781	1.241.951.550
Giá vốn dịch vụ bãi	15.008.500	18.881.993.727
Giá vốn cước vận tải biển	-	3.233.829.932
Giá vốn cho thuê văn phòng	3.976.279.845	-
TỔNG CỘNG	<u>4.427.639.626.352</u>	<u>23.357.775.209</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	47.449.212.434	-
Lỗ do thanh lý công ty con	-	156.580.584
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	1.979.046
Khác	-	550.297
TỔNG CỘNG	<u>47.449.212.434</u>	<u>159.109.927</u>

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	2.150.595.000	-
Chi phí ủy thác xuất khẩu	1.722.765.000	-
Chi phí nhân viên	194.028.500	-
Khác	135.933.385	-
TỔNG CỘNG	<u>4.203.321.885</u>	<u>-</u>

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.375.016.754	5.820.537.184
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.149.870.374	2.629.591.005
Chi phí khấu hao tài sản cố định	184.430.507	93.665.178
Phân bổ lợi thế thương mại	15.617.436.145	-
Khác	1.355.125.579	1.998.278.894
TỔNG CỘNG	<u>31.681.879.359</u>	<u>10.542.072.261</u>

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 36)
Lãi giao dịch mua rẻ An Gia	-	2.333.754.661
Thu nhập từ thanh lý tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác	-	300.000.000
Khác	27.210.271	10.678.518
TỔNG CỘNG	27.210.271	2.644.433.179

31. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	4.407.897.345.425	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.053.548.674	20.094.472.445
Chi phí nhân viên	13.538.018.664	9.872.923.934
Chi phí khấu hao, phân bổ lợi thế thương mại	33.035.914.833	98.088.330
Chi phí khác	7.694.523.601	3.834.362.761
TỔNG CỘNG	4.463.524.827.596	33.899.847.470

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.842.152.980	1.860.388.502
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(73.899.468)	-
TỔNG CỘNG	12.768.253.512	1.860.388.502

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

32.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<u>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</u>	
	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	6.862.400.000	-	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>(13.548.433.864)</u>	<u>(13.622.333.332)</u>	<u>(73.899.468)</u>	<u>-</u>

32.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại (“chi phí lãi vay chưa được trừ”) sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 31/12/2024	VND	
				Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2024	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2024
2022	2027	7.909.294.376	(3.970.640.487)	-	3.938.653.889
2023	2028	21.335.987.080	(157.480.066)	-	21.178.507.014
TỔNG CỘNG		<u>29.245.281.456</u>	<u>(4.128.120.553)</u>	<u>-</u>	<u>25.117.160.903</u>

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan với Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần TCO Agri	Công ty con
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	Công ty con
Công ty Cổ phần TCO Logistics	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên TCO Logistics (tên cũ: Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải An Gia)	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư Enterprise	Công ty con gián tiếp
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán (đến ngày 12 tháng 9 năm 2024)
Công ty Cổ phần Hiên Nam	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT (đến ngày 12 tháng 9 năm 2024)
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ và Đầu tư Hoa Thiên Lý	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT (đến ngày 12 tháng 9 năm 2024)
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 12 tháng 9 năm 2024)
Công ty Cổ phần Chế biến Lương Thực Sao Mới	Công ty có liên quan đến Chủ tịch HĐQT (từ ngày 12 tháng 9 năm 2024)
Ông Trần Anh Dũng	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế An	Kế toán trưởng
Bà Lữ Kiều An	Phụ trách quản trị
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ

Công ty Cổ phần TCO Holdings

B09-DN/HN

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm: VND

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Cho công ty mượn tiền	-	3.488.662.327
	Công ty trả tiền	3.431.558.000	-
	Tạm ứng công tác phí	48,500,000	10.000.000
Bà Lữ Kiều An	Tạm ứng công tác phí	21.320.800	
Ông Nguyễn Thế An	Tạm ứng công tác phí	10.000.000	
Ông Phạm Anh Tuấn	Tạm ứng công tác phí	251.500.000	
Công ty Cổ phần Chế biến Lương Thực Sao Mới (từ ngày 12 tháng 9 năm 2024)	Mua hàng	4.914.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu/ phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu ngắn hạn khác			
Bà Lữ Kiều An	Chi phí văn phòng	496.800	-
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Tạm ứng	-	5.379.939
		496.800	5.379.939
Phải trả ngắn hạn khác			
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Cho công ty mượn tiền	4.257.104.327	3.488.662.327
Ông Nguyễn Thế An	Cổ tức	4.590.000	-
		4.261.694.327	3.488.662.327

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao và tiền lương của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và Ban Kiểm toán Nội bộ trong kỳ như sau:

Cá nhân	Vị trí	Thù lao	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 12 tháng 9 năm 2024)	18.166.667	-
Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 12 tháng 9 năm 2024)	795.324.122	72.166.667
Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)	-	71.076.923
Ông Phạm Duy Hùng	Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023)	-	961.538
Ông Nguyễn Nam Hùng	Chủ tịch HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 30 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023)	-	576.923
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Thành viên HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023)	-	54.461.538
Ông Phan Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 2023)	-	342.118.538
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Tổng Giám đốc (từ ngày 4 tháng 7 năm 2023 đến ngày 14 tháng 9 năm 2023)	-	54.461.538
Ông Trần Anh Dũng	Phó Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023), Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 7 năm 2023)	430.402.031	38.300.000
Ông Đào Việt Anh	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	36.000.000	4.300.000
Ông Phạm Trần Ái Trung	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	-	34.038.462
	Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban Kiểm toán (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)	-	576.293
	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (từ ngày 24 tháng 6 năm 2023 đến ngày 18 tháng 11 năm 2023)	-	576.293

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Thù lao và tiền lương của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Ủy ban Kiểm toán và Ban Kiểm toán Nội bộ trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Cá nhân	Vị trí	Thù lao	
		Năm nay	Năm trước
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán (đến ngày 24 tháng 6 năm 2023)	-	34.038.462
Bà Cao Thu Hằng	Trưởng ban Kiểm toán Nội bộ	81.500.000	116.248.000
Ông Nguyễn Thế An	Kế toán trưởng	751.204.883	64.000.000
Bà Nguyễn Thu Thủy	Kế toán trưởng (đến ngày 4 tháng 7 năm 2023)	-	197.052.000
Bà Lữ Kiều An	Phụ trách quản trị	227.726.264	20.000.000
Ông Lê Khánh Toàn	Phụ trách quản trị (đến ngày 26 tháng 9 năm 2023)	-	174.209.000
TỔNG CỘNG		<u>2.340.323.966</u>	<u>1.224.124.974</u>

34. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng, kho bãi theo các hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dưới 1 năm	2.188.034.400	2.205.279.775
Từ 1 đến 5 năm	5.384.678.800	7.353.789.138
TỔNG CỘNG	<u>7.572.713.200</u>	<u>9.559.068.913</u>

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo khu vực địa lý không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

				VND
	<i>Sản xuất</i>	<i>Kinh doanh thương mại, dịch vụ</i>	<i>Các khoản loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm nay				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	3.943.912.297.055	601.157.039.847	(18.137.165.746)	4.526.932.171.156
Doanh thu bộ phận	3.943.912.297.055	601.157.039.847	(18.137.165.746)	4.526.932.171.156
Chi phí bộ phận	(3.886.643.902.962)	(574.235.657.057)	(2.645.267.577)	(4.463.524.827.596)
Lợi nhuận bộ phận	57.268.394.093	26.921.382.790	(20.782.433.323)	63.407.343.560
Chi phí tài chính				(29.707.047.186)
Chi phí khác				(324.215.816)
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(12.768.253.512)
Lợi nhuận kế toán sau thuế				20.607.827.046
Tài sản bộ phận	1.084.210.644.593	2.230.645.667.544	(1.364.286.342.087)	1.950.569.970.050
Nợ phải trả bộ phận	868.488.397.483	818.789.569.959	(73.252.781.072)	1.614.025.186.370

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	Sản xuất	Kinh doanh thương mại, dịch vụ	Các khoản loại trừ	Tổng cộng
Năm trước				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	29.553.485.048	-	(69.600.000)	29.483.885.048
Doanh thu bộ phận	29.553.485.048	-	(69.600.000)	29.483.885.048
Chi phí bộ phận	(33.969.447.470)	-	69.600.000	(33.899.847.470)
Lỗ bộ phận	(4.415.962.422)	-	-	(4.415.962.422)
Thu nhập tài chính				12.970.527.583
Thu nhập khác				788.073.464
Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại				(1.860.388.502)
Lợi nhuận kế toán sau thuế				7.482.250.123
Tài sản bộ phận	690.560.883.332	913.023.561.028	(436.390.752.161)	1.167.193.692.199
Nợ phải trả bộ phận	39.632.363.018	811.255.340.642	(10.000.000)	850.877.703.660

36. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty đã áp dụng kế toán ban đầu để ghi nhận giao dịch hợp nhất kinh doanh đối với An Gia và Nam An. Trong năm 2024, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc kế toán ban đầu cho các giao dịch này (Thuyết minh số 4.1 và 4.2). Theo đó, một số dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất đã được trình bày lại như sau:

Khoản mục	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	VND Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (đã được trình bày lại)
-----------	--	---------------	---

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tài sản cố định hữu hình	72.932.837.595	50.131.625.137	123.064.462.732
- Nguyên giá	100.728.413.220	50.131.625.137	150.860.038.357
- Giá trị khấu hao lũy kế	(27.795.575.625)	-	(27.795.575.625)
Tài sản cố định vô hình	18.328.564.098	17.980.041.521	36.308.605.619
- Nguyên giá	19.333.463.806	17.980.041.521	37.313.505.327
- Giá trị hao mòn lũy kế	(1.004.899.708)	-	(1.004.899.708)
Lợi thế thương mại	197.619.247.839	(52.226.223.534)	145.393.024.305
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	13.622.333.332	13.622.333.332
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	93.898.657.949	1.856.359.667	95.755.017.616
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	2.599.302.756	406.750.125	3.006.052.881

(trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Khoản mục	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	VND
			Năm trước (đã được trình bày lại)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT			
Thu nhập khác	788.073.512	1.856.359.667	2.644.433.179
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.042.638.625	-	10.898.998.292
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	7.182.250.123	1.856.359.667	9.038.609.790
Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	7.180.827.197	1.856.359.667	9.037.186.864
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	372	111	483
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	372	111	483
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT			
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.042.638.625	1.856.359.667	10.898.998.292
Lãi từ hoạt động đầu tư	(13.454.232.928)	(1.856.359.667)	(15.310.592.595)

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn quý IV và năm tài chính thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Nhóm Công ty.

Nguyễn Việt Ảnh
Người lập

Nguyễn Thế An
Kế toán trưởng

Bùi Lê Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 1 năm 2025